

Số: /THCSQTGW

*Dịch Vọng*, ngày 15 tháng 8 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” năm học 2019 - 2020

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 611/SGDĐT-KHTC về việc triển khai thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 03 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2019 - 2020 của trường THCS Quốc tế Gateway đã được Sở GD&ĐT quận Cầu Giấy phê duyệt;

Căn cứ quyền hạn và chức năng, nhiệm vụ của cán bộ giáo viên;

Hiệu trưởng Trường THCS Quốc tế Gateway xây dựng Kế hoạch thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” năm học 2019 - 2020 như sau:

#### **I- Mục tiêu thực hiện công khai**

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.
- Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ CMHS đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tình đoàn kết nội bộ tốt.
- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm học.
- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, CMHS và quần chúng nhân dân trên địa bàn.
- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mỗi đoàn kết trong nội bộ trong trường học.
- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

## **II. Nội dung thực hiện ba công khai:**

### **1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

#### **a. Cam kết chất lượng giáo dục:**

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

#### **b. Chất lượng giáo dục thực tế:**

Số học sinh xếp loại theo năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh tham dự các cuộc thi của trường, quận, thành phố và kết quả đạt được.

#### **c. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:**

Kế hoạch phân đầu xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia.

#### **d. Kiểm định nhà trường:**

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

### **2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường**

#### **a. Cơ sở vật chất:**

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp. Kinh phí đầu tư cho mua sắm, xây dựng CSVC.

#### **b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

- Trình độ, bằng cấp đã được đào tạo của cán bộ, giáo viên
- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo,...

### **3. Công khai thu chi tài chính**

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài;

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

## **III. Hình thức và thời điểm công khai**

#### **a. Hình thức:**

- Công khai trong file tuyển sinh hàng năm của nhà trường.
- Công khai trên website của nhà trường

- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

**b. Thời điểm công khai:**

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

**IV. Thực hiện 4 kiểm tra.**

- Ban thanh tra nhân dân thường xuyên giám sát về việc tuyển dụng giáo viên, mua sắm, sửa chữa CSVC, chi chế độ cho CB - GV - NV, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (*nếu có*).

- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm học.

**V. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:**

**1. Hình thức công khai và thời điểm công khai:**

- Công khai trên website của nhà trường, các cuộc họp phụ huynh.
- Công khai vào thời điểm tháng 6 và tháng 8 hàng năm.

**2. Thành lập ban chỉ đạo:**

Thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường gồm các thành viên sau:

1. Bà Cao Thị Hồng Liên	Phó hiệu trưởng	Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Trung Thành	TTCMVTM	Phó ban
3. Ông Nguyễn Minh Sáng	TTCMTN	Ủy viên
4. Bà Nguyễn Thị Phú	TTCMTXH	Ủy viên
5. Bà Hà Thị Thanh Nhàn	Giáo viên	Ủy viên

**3. Tổ chức thực hiện:**

- Thông qua hội nghị CBCCVC đầu năm:

+ GV đăng ký chất lượng môn dạy, chất lượng lớp chủ nhiệm và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ Chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ và số lượng HS đạt giải trong các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng GV, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn, liên đội phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ GV và HS.

- Tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của HS vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh, đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại GV hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.
- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- + Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.
- + Đưa lên website của nhà trường.

#### **4. Phân công nhiệm vụ:**

- Hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai đội ngũ, cán bộ quản lý, thông báo tài chính chi mua tài sản, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.
- Phó hiệu trưởng: chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế của đơn vị, thực hiện quản lý và công khai về cơ sở vật chất, quản lý về chất lượng phổ cập giáo dục. Cùng với hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.
- Đại diện GV: Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của đơn vị. Phối hợp cùng với hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị
- Tổ trưởng CM: Thực hiện thống kê kết quả giảng dạy và giáo dục của cá nhân, tổ, kết quả bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ của các thành viên trong tổ khối, tự đánh giá phân loại giáo viên trong tổ hàng tháng, năm để thực hiện công khai theo quy định.
- Kế toán: Quyết toán thu - chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” về chất lượng giáo dục điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2018 - 2019 của trường THCSQT Gateway.

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Phòng GD&ĐT;
- Website nhà trường
- Lưu VP.

**Cao Thị Hồng Liên**

## PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Phân công
1	Cao Thị Hồng Liên	Trưởng ban	Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT và Kế hoạch thực hiện “3 công khai” của trường đến tất cả toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường, PHHS.
2	Nguyễn Trung Thành	Phó ban	Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 09, 10, 11, 12 và điều hành kê khai báo cáo; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính
3	Nguyễn Minh Sáng	Ủy viên	Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông qua trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội qui, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường
	Nguyễn Thị Phú	Ủy viên	
4	Hà Thị Thanh Nhàn	Ủy viên	Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo. Tổng hợp nhập máy các biểu mẫu, báo cáo, chọn địa điểm để niêm yết công khai các nội dung quy định theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT và ghi chép biên bản các cuộc họp Ban chỉ đạo và Hội đồng sư phạm, giúp Trưởng ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Quy chế công khai

Dịch Vọng, ngày 15 tháng 8 năm 2019

**THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông  
năm học 2019 - 2020**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS đủ 11 tuổi trong và ngoài địa bàn, nếu ít tuổi hơn hay nhiều tuổi hơn phải đúng văn bản quy định.	Kết quả lớp dưới được xếp loại 2 mặt GD cả năm từ TB trở lên (kể cả sau thi lại và rèn luyện trong hè), nghỉ học không quá 30 ngày/năm học.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình và chuẩn kiến thức theo quy định của Bộ GD&ĐT			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của HS.	- Kết hợp thường xuyên, trực tiếp, điện thoại, số liên lạc giữa cha mẹ học sinh hoặc thông qua Ban đại diện CMHS, với GVCN hoặc BGH nhà trường (ĐT: 02462604666) - Chăm ngoan, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ HS.			
IV	Điều kiện CSVC của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học...)	- Có đủ phòng học cho HS học 2 buổi /ngày – có đủ ánh sáng, quạt mát, bàn ghế, thiết bị dạy học đồng bộ theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Có đủ các phòng học chức năng.			
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở GD	- Tổ chức Đội thiếu niên (chung cùng Tiểu học), hoạt động GDNGLL, hoạt động giáo dục ATGT, phòng chống các tệ nạn xã hội ...theo quy định. - Thư viện đã đạt chuẩn theo QĐ 01 của Bộ GD&ĐT năm 2012 - Có đủ nước sạch, các công trình vệ sinh, sân chơi, theo quy định			
VI	Đội ngũ GV, CBQL, CSGD	- GV có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn, có tinh thần trách nhiệm. - Quản lý theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và quy định về quản lý công chức, viên chức hiện hành			
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Học sinh hoàn thành chương trình lớp học 100% Học sinh được khen thưởng 55% trở lên Xếp loại Hạnh kiểm tốt 100%			

**Phó Hiệu trưởng**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục THCS thực tế, năm học 2018-2019**  
**Đơn vị: học sinh**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>61</b>	<b>26</b>	<b>25</b>	<b>10</b>
1	Tốt (Tỉ lệ so với tổng số)	60 (98,4%)	26 (100%)	25 (100%)	9 (90%)
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)	1 (1,6%)	0	0	1 (10%)
3	Trung bình (Tỉ lệ so với tổng số)				
4	Yếu (Tỉ lệ so với tổng số)				
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>61</b>	<b>26</b>	<b>25</b>	<b>10</b>
1	Giỏi (Tỉ lệ so với tổng số)	24 (39,3%)	12 (46,2%)	8 (32%)	4 (40%)
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)	32 (52,5%)	13 (50%)	14 (56%)	5 (50%)
3	Trung bình (Tỉ lệ so với tổng số)	4 (6,6%)	1 (3,8%)	3 (12%)	0
4	Yếu (Tỉ lệ so với tổng số)	1 (1,6%)			1 (10%)
5	Kém (Tỉ lệ so với tổng số)				
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>61</b>	<b>26</b>	<b>25</b>	<b>10</b>
1	Lên lớp (Tỉ lệ so với tổng số)	61 (100%)	26 (100%)	25 (100%)	10 (100%)
a	Học sinh giỏi (Tỉ lệ so với tổng số)	24 (39,3%)	12 (46,2%)	8 (32%)	4 (40%)
b	Học sinh tiên tiến	32	13	14	5

	(Tỉ lệ so với tổng số)	(52,5%)	(50%)	(56%)	(50%)
2	Thi lại (Tỉ lệ so với tổng số)	1 (1,6%)			1 (10%)
3	Lưu ban (Tỉ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đến/đi (Tỉ lệ so với tổng số)	2/2 (3,3%- 3,3%)	1/1 (3,8%- 3,8%)	1/1 (4%- 4%)	
5	Bị đuổi học (Tỉ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kì nghỉ hè năm trước và trong năm học) (Tỉ lệ so với tổng số)				
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải kì thi học sinh giỏi</b>				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/TP				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghề nghiệp</b>				
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghề nghiệp</b>				
1	Giỏi (Tỉ lệ so với tổng số)				
2	Khá (Tỉ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỉ lệ so với tổng số)				
<b>VII</b>	<b>Số học sinh nam/ số học sinh nữ</b>	<b>27/34</b>	<b>13/13</b>	<b>11/14</b>	<b>2/8</b>
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	<b>1</b>			<b>1</b>

*Dịch Vọng, ngày 31 tháng 5 năm 2019*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Kim Hoàng**



**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục**  
**Năm học 2019-2020**

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Bình quân m<sup>2</sup>/HS</i>
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>	<b>8/8</b>	
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	8	
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	<b>7000m<sup>2</sup></b>	29,6
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	<b>2700 m<sup>2</sup></b>	14,2
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	480	
2	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )	0	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	230	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	700	
5	Diện tích phòng khác (...)(m <sup>2</sup> )	340	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	8	
1	Khối lớp 6	3	
2	Khối lớp 7	2	
3	Khối lớp 8	2	
4	Khối lớp 9	1	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>25</b>	
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị</b>	<b>15</b>	
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	
5	Thiết bị khác...	0	
	<i>Nội dung</i>	<i>Số lượng (m<sup>2</sup>)</i>	
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	<b>125</b>	
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	<b>420</b>	
	<i>Nội dung</i>	<i>Số lượng phòng, tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Số chỗ</i>
			<i>Diện tích bình quân/chỗ</i>

<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	300				
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0				
<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<i>Dùng cho giáo viên</i>	<i>Dùng cho học sinh</i>		<i>Số m<sup>2</sup>/học sinh</i>	
			<i>Chung</i>	<i>Nam/Nữ</i>	<i>Chung</i>	<i>Nam/Nữ</i>
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
					<i>Có</i>	<i>Không</i>
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>				x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>				x	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet (ADSL)</b>				x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>				x	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>				x	

Dịch Vọng, ngày 15 tháng 8 năm 2019  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Cao Thị Hồng Liên**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
của cơ sở giáo dục THCS, năm học 2019-2020**

**1. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:**

Nhân sự	Số lượng	Trình độ					Ghi chú
		Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	TC	DT	
1. CBQL	2		2				
2. Giáo viên							
- Ngữ văn	5	2	3				
- Toán	4	3	1				
- Tiếng Anh	3		3				
- Lịch sử	1		1				
- Sinh học	1		1				
- Vật lý	1		1				
- Hóa học	1		1				
- Công nghệ	2	1	1				
- Thể dục	1		1				
- Địa lí	1	1					
- Mỹ thuật	1		1				
- Âm nhạc	1		1				
- Tin học	1		1				
3. Nhân viên							
- Văn phòng	1		1				

- Thư viện	1			1			
- Y tế	1			1			
Tổng cộng	28	7	19	2			

## 2. Học sinh:

Khối	Số lớp	GVCN	Số học sinh		Dân tộc ít người	Học sinh người nước ngoài
			Nam	Nữ		
Khối 6	6A	Nguyễn Minh Sáng	7	6		
	6B	Ngô Thị Lan Hương	6	6		
Khối 7	7A	Hoàng Thị Tâm	5	6		2
	7B	Nguyễn Thị Thúy	5	7		1
Khối 8	8A	Phùng Thị Ánh	2	8	01	1
Tổng	61		25	33	1	4

*Dịch Vọng, ngày 15 tháng 8 năm 2019*

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Cao Thị Hồng Liên**

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

### 1. Tình hình tài chính giáo dục:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/204/QĐ-TTG ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

### 2. Các khoản thu khác từ người học:

Các khoản thu này thoả thuận giữa cha mẹ học sinh và người lao động hợp đồng, mức thu chi được các cấp có thẩm quyền cho phép, cụ thể:

**Mức thu/HS/năm, 2018-2019: 128.400.000 đ**

**Mức thu/HS/năm, 2019-2020: 141.240.000 đ**

### 3. Các khoản chi theo từng năm học:

Thực hiện theo đúng quy định. Bao gồm: Chi lương và các khoản phụ cấp chức vụ; chi cho chuyên môn nghiệp vụ; chi sửa chữa và chi khác.

### 4. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:

### 5. Kết quả kiểm toán (chưa kiểm toán)

### 6. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học. (Dựa vào các tổ chức XH, các đoàn thể, các doanh nghiệp và quỹ khuyến học nhà trường).

*Dịch Vọng, ngày 21 tháng 6 năm 2019*  
**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Kim Hoàng**

